

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**



**NGUYỄN CHIẾN THUẬT**

**NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP  
NÂNG CAO THU NHẬP CHO ĐỒNG BÀO  
DÂN TỘC MÔNG TẠI HUYỆN QUẢN BẠ  
TỈNH HÀ GIANG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**THÁI NGUYÊN - 2018**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM



**NGUYỄN CHIẾN THUẬT**

**NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP  
NÂNG CAO THU NHẬP CHO ĐỒNG BÀO  
DÂN TỘC MÔNG TẠI HUYỆN QUẢN BẠ  
TỈNH HÀ GIANG**

**Ngành: Phát triển nông thôn  
Mã số ngành: 8.62.01.16**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Lê Sỹ Trung**

**THÁI NGUYÊN - 2018**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan rằng, số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn này là trung thực và hoàn toàn chưa được sử dụng để bảo vệ một học vị nào.

Tôi cam đoan rằng, mọi sự giúp đỡ để thực hiện luận văn này đã được cảm ơn và các thông tin trích dẫn trong luận văn đều được chỉ rõ nguồn gốc.

**Tác giả luận văn**

**Nguyễn Chiến Thuật**

## LỜI CẢM ƠN

Trước hết với tình cảm chân thành và lòng biết ơn sâu sắc, tôi xin gửi lời cảm ơn đến PGS.TS Lê Sỹ Trung người trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ tôi hoàn thành Luận văn này.

Tôi xin trân trọng cảm ơn các thầy giáo, cô giáo Khoa Phát triển nông thôn, Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên đã trực tiếp giảng dạy và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Tôi cũng xin cảm ơn Chi cục Thống kê huyện Quán Bạ, Phòng Kinh tế-Hạ tầng huyện, phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, UBND huyện Quán Bạ, Đảng ủy, UBND xã Lùng Tám, Cán Tỷ, Thanh Vân huyện Quán Bạ và các hộ tại 03 xã trên đã cung cấp số liệu thực tế và thông tin cần thiết để tôi hoàn thành luận văn này.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn đồng nghiệp, bạn bè, cùng toàn thể gia đình, người thân đã động viên tôi trong thời gian nghiên cứu đề tài.

*Thái Nguyên, ngày tháng 6 năm 2018*

**Tác giả**

**Nguyễn Chiến Thuật**

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN .....	i
LỜI CẢM ƠN .....	i
MỤC LỤC .....	ii
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT .....	v
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	vi
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu đề tài.....	2
3. Ý nghĩa.....	2
3.1. Ý nghĩa khoa học .....	2
3.2. Ý nghĩa thực tiễn.....	2
<b>Chương 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU</b> .....	<b>3</b>
1.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập.....	7
1.2. Cơ sở thực tiễn .....	11
1.2.1. Thực trạng thu nhập khu vực nông thôn Việt Nam .....	11
1.2.2. Kinh nghiệm nâng cao thu nhập của một số địa phương .....	18
1.2.3. Bài học kinh nghiệm .....	21
1.3. Các nghiên cứu có liên quan .....	22
<b>Chương 2. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP</b> <b>NGHIÊN CỨU</b> .....	<b>25</b>
2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	25
2.1.1. Đối tượng nghiên cứu.....	25
2.1.2. Phạm vi nghiên cứu.....	25
2.2. Nội dung nghiên cứu .....	25
2.3. Phương pháp nghiên cứu.....	25
2.2.1. Phương pháp thu thập thông tin .....	25
2.2.2. Phương pháp phân tích thông tin .....	26
2.4.4. Hệ thống chỉ tiêu phân tích .....	28

<b>Chương 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN</b> .....	30
3.1. Hoạt động sản xuất có thu nhập của hộ dân tộc Mông huyện Quản Bạ. ....	30
3.1.1. Tình hình cơ bản của các hộ điều tra .....	30
3.1.2. Trồng trọt .....	31
3.1.3. Chăn nuôi .....	32
3.1.4. Thu nhập từ lâm nghiệp (Thụ hưởng các chính sách về nhận khoán khoanh nuôi bảo vệ rừng) .....	33
3.1.5. Lao động làm thuê.....	33
3.2. Cơ cấu thu nhập của các hộ dân tộc Mông huyện Quản Bạ .....	34
3.3.3. Cơ cấu thu, chi của đồng bào dân tộc Mông huyện Quản Bạ.....	34
3.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân .....	35
3.3.1. Nguồn lực đất .....	35
3.3.2. Đặc điểm địa hình .....	36
3.3.3. Khí tượng thủy văn .....	37
3.3.4. Tài nguyên nước.....	37
3.3.5. Tài nguyên khoáng sản.....	38
3.3.6. Tài nguyên rừng .....	38
3.3.7. Dân số.....	38
3.3.8. Thực trạng về lao động, việc làm.....	39
3.3.9. Nguồn lực vốn.....	41
3.3.10. Những nguyên nhân gây ra nghèo của cộng đồng dân tộc Mông tại huyện Quản Bạ tỉnh Hà Giang.....	43
3.4. Giải pháp phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho đồng bào dân tộc Mông huyện Quản Bạ tỉnh Hà Giang. ....	48
3.4.1. Quy hoạch phát triển .....	49
3.4.2. Nhóm giải pháp về đất đai .....	51
3.4.3. Nhóm giải pháp về vốn .....	51
3.4.4. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực .....	52
3.4.5. Nhóm giải pháp về khoa học kỹ thuật.....	53
3.4.6. Nhóm giải pháp xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.....	54

3.4.7. Nhóm giải pháp về chính sách .....	54
3.4.7. Nhóm giải pháp nâng vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương .....	56
3.4.8. Giải pháp về thị trường .....	58
3.4.9. Giải pháp phát triển du lịch bền vững .....	59
3.4.10. Đào tạo nghề và xuất khẩu lao động .....	61
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b> .....	<b>63</b>
1. Kết luận .....	63
2. Kiến nghị .....	63
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>65</b>

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

- BQ: Bình quân  
CN: Công nghiệp  
DN: Doanh nghiệp  
DL: Du lịch  
DV: Dịch vụ  
ĐVT: Đơn vị tính  
HTX: Hợp tác xã  
XĐGN: Xóa đói giảm nghèo  
HDI: Chỉ số phát triển con người  
SXKD: Sản xuất kinh doanh  
TM: Thương mại  
TTCN: Tiêu thủ công nghiệp  
VLSS: Điều tra thu nhập dân cư  
XKLD: Xuất khẩu lao động  
XD: Xây dựng





## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Theo số liệu thống kê của 2 cuộc điều tra hộ VLSS (điều tra thu nhập dân cư) 1993, và VLSS 2016 đã cho thấy rằng Việt Nam đã đạt được thành tích xuất sắc trong việc nâng cao thu nhập cho hộ trong thời kỳ 1993- 2016. Nếu như năm 1993, tỷ lệ nghèo tính theo chi tiêu là 58,1% đến năm 2016 chỉ còn 10%. Tỷ lệ nghèo năm 2016 chỉ bằng 1/5 của năm 1993, đây là thành tựu nổi bật nếu đem so sánh với mục tiêu thiên niên kỷ đầu tiên của Liên hiệp quốc là giảm một nửa tỷ lệ người cực nghèo, trong một khoảng thời gian dài hơn từ năm 1990 đến năm 2015.[ ]

Mặc dù thu nhập được cải thiện đáng kể, nhưng người dân nông thôn vẫn chiếm đa số trong cộng đồng người nghèo tại Việt Nam. Kết quả điều tra hộ nghèo, cận nghèo năm 2015 cho thấy, khu vực miền núi Tây Bắc có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất cả nước với 34,52%, tiếp theo là miền núi Đông Bắc (20,74%) và Tây Nguyên (17,14%). Đông Nam Bộ có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất cả nước với 1,23%, tỷ lệ hộ nghèo của Đồng bằng sông Hồng cũng chỉ 4,76%. Với kết quả này, việc nâng cao thu nhập cho hộ chủ yếu chỉ còn là vấn đề lớn ở khu vực nông thôn, đặc biệt là cho đồng bào dân tộc thiểu số.[ ]

Hà Giang là một tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam với 80% dân số và 76% lực lượng lao động sống và làm việc ở khu vực nông thôn. Năm 2016, nông nghiệp vẫn chiếm 20,58% trong tổng GDP, tốc độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2010- 2015 đạt bình quân 5%/năm, thu nhập bình quân đầu người đạt 17,5 triệu đồng/người/năm (2016) với tỷ lệ đói nghèo toàn tỉnh là 20,35%, và trên 90% số hộ nghèo tập trung ở khu vực nông thôn[ ]. Trong những năm qua, bằng sự nỗ lực của bản thân các hộ gia đình kết hợp với các chương trình hỗ trợ người nghèo của Nhà nước, thu nhập của đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh Hà Giang đã có những cải thiện đáng kể. Tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các phương thức tổ chức sản xuất mới, các loại hình doanh nghiệp mới ra đời và phát triển đã mang lại những hiệu quả tích cực cho tiến trình “tấn công đói nghèo”.